

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

 Nguyễn Thị Sương Thu *

Để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao mỗi ngành, lĩnh vực đều căn cứ vào mức độ hoàn thành kế hoạch đề ra từ đầu năm. Trong thời gian gần đây, khi đánh giá kết quả về tình hình kinh tế xã hội tại địa phương, tăng trưởng tín dụng cũng là một chỉ số được quan tâm trong báo cáo đánh giá kết quả đạt được ở lĩnh vực tài chính, tiền tệ, liên quan đến các chỉ tiêu về kinh tế. Con số về tăng trưởng tín dụng tại một địa phương thường được đánh giá theo chỉ tiêu tăng trưởng chung của ngành Ngân hàng và có một thực tế thường xảy ra là, tại địa phương con số này không đạt được so với bình quân chung cả nước thì việc ghi nhận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của ngành Ngân hàng trên địa bàn bị ảnh hưởng. Mong muốn tăng trưởng tín dụng đạt kế hoạch không chỉ là nguyện vọng của các ngân hàng trên địa bàn mà còn là mong muốn của các cấp lãnh đạo địa phương, bởi vì tín dụng tăng có nghĩa là có nguồn vốn nhiều cho đầu tư phát triển kinh tế, là thể hiện việc cung ứng vốn của ngành Ngân hàng cho các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu

* NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam

kinh tế cho địa phương... Vậy, ghi nhận chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng của ngành Ngân hàng trong phạm vi ở một địa phương (một tỉnh) với con số như thế nào là hợp lý để đánh giá hiệu quả hoạt động ngân hàng trong việc góp phần cho phát triển kinh tế? Bài viết sẽ đề cập đến việc thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng của các tổ chức tín dụng (TCTD) đặt trong mối quan hệ giữa hiệu quả kinh doanh ngân hàng và có hay không ảnh hưởng của tăng trưởng tín dụng phản ánh thước đo sức khỏe của các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm cho xã hội nhằm tìm đầu ra cho vốn tín dụng một cách có hiệu quả, làm rõ hơn vai trò của các TCTD trên địa bàn góp phần phát triển kinh tế địa phương. Với cách đặt vấn đề trong một phạm vi hẹp, hoạt động kinh doanh ngân hàng được đề cập ở đây là mảng kinh doanh tín dụng và tín dụng được nói đến trong bài viết được hiểu là tín dụng ngân hàng.

Tín dụng ngân hàng (TDNH) là hình thức tín dụng chủ yếu

của nền kinh tế thị trường, nó đáp ứng nhu cầu về vốn cho nền kinh tế, là hình thức phản ánh quan hệ vay và trả nợ giữa một bên là các ngân hàng, các TCTD và một bên là các nhà sản xuất kinh doanh (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp). TDNH được xem là kênh dẫn vốn vô cùng quan trọng cho toàn bộ nền kinh tế và là một nhân tố hỗ trợ để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng trong điều kiện thị trường tài chính chưa phát triển sôi động và nguồn lực tài chính của các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh còn hạn hẹp...

Dư nợ tín dụng là biểu hiện cụ thể của TDNH thông qua việc cấp tín dụng cho nền kinh tế, phản ánh khả năng cung ứng vốn của ngân hàng cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế (sau đây gọi tắt doanh nghiệp). Khoản 14, Điều 4 Luật TCTD có nêu: “Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chia sẻ cơ hội, Hợp tác thành công

www.bidv.com.vn

tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác". Như vậy, có thể hiểu Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng (trừ khách hàng là TCTD) là tổng dư nợ các các khoản cấp tín dụng theo các nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, cho thuê tài chính,...). Tổng dư nợ bao gồm dư nợ cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Tổng dư nợ là một chỉ tiêu phản ánh khối lượng tiền ngân hàng cấp cho nền kinh tế tại một thời điểm, là số tiền còn lại tại một thời điểm nào đó mà doanh nghiệp vay TCTD.

Tăng trưởng tín dụng (TTTD) là chỉ số so sánh (%) tổng dư nợ cuối kỳ của thời điểm hiện tại so với trước đó (kỳ so sánh), là tỉ lệ % gia tăng lượng tiền cho cá nhân và tổ chức vay của kỳ này so với kỳ trước, tùy thuộc vào thời điểm đánh giá có số liệu TTTD tháng, quý, năm... TTTD đối với ngành Ngân hàng, là chỉ số đánh giá khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế, đối với các doanh nghiệp, đó là việc hấp thụ vốn vay ngân hàng của các doanh nghiệp nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần cho phát triển kinh tế xã hội.

Hoạt động kinh doanh của ngân hàng không thể có kết quả tốt khi hoạt động kinh doanh của nền kinh tế chưa tốt hay nói cách khác hoạt động kinh doanh của ngân hàng sẽ có nhiều rủi ro khi hoạt động kinh tế có nhiều rủi ro. Đây là mối quan hệ biện chứng trong việc

sử dụng vốn ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, trong một điều kiện nhất định thuộc phạm vi tại một địa phương, TTTD là thước đo sức khỏe của các doanh nghiệp, TTTD có mối quan hệ tỉ lệ thuận với sức khỏe doanh nghiệp, TTTD cao có nghĩa là doanh nghiệp khỏe, có khả năng hấp thụ tốt vốn ngân hàng, TTTD thấp, khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp yếu; Và, có hay không mức độ đóng góp của ngành Ngân hàng cho phát triển kinh tế địa phương chỉ thông qua con số về TTTD? Việc đi sâu phân tích mối quan hệ giữa hoạt động ngân hàng và sự phát triển của doanh nghiệp sẽ lý giải phần nào vấn đề trên.

1. Vai trò của vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Trong xu hướng phát triển hiện nay, để có một nền tảng kinh tế phát triển bền vững và ổn định thì cần nhiều yếu tố trong đó yêu cầu về vốn đặc biệt quan trọng. Với mọi doanh nghiệp dù ở hình thức nào thì muốn hoạt động sản xuất kinh doanh được đều phải có lượng vốn nhất định. Đây là điều kiện tiên quyết, quan trọng nhất cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Có vốn, doanh nghiệp mới có điều kiện để trang bị các thiết bị, cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh như văn phòng, phương tiện hoạt động, cùng với việc ứng dụng khoa học vào hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn cũng quyết định đến khả năng đổi mới thiết bị, công

nghệ, phương thức quản lý. Vốn của doanh nghiệp lớn hay nhỏ còn quyết định đến qui mô thị trường và khả năng mở rộng thị trường của doanh nghiệp, vốn đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được diễn ra liên tục từ khoản mua sắm vật tư, sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm. Việc đảm bảo tốt nguồn vốn kinh doanh còn giúp doanh nghiệp chủ động trong việc chống đỡ được những tổn thất, rủi ro, biến động thị trường, khủng hoảng tài chính... trong quá trình hoạt động.

2. Vai trò của vốn vay ngân hàng cho phát triển kinh tế và cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Trong quá trình hoạt động, ngoài việc sử dụng nguồn vốn tự có, doanh nghiệp còn phải huy động vốn từ các nguồn khác, trong đó, có vốn vay ngân hàng. Ngân hàng với nhiệm vụ huy động toàn bộ nguồn vốn nhàn rỗi của nền kinh tế và sử dụng chúng một cách có hiệu quả cho phát triển kinh tế thì một trong những điều cần phải làm là làm tốt công tác tạo đầu ra, tức là cấp tín dụng cho nền kinh tế, thông qua hệ thống ngân hàng, đây là kênh dẫn vốn trong nước quan trọng nhất cho nền kinh tế. Vai trò của TDNH rất quan trọng đối với nền kinh tế đất nước. Là cầu nối giữa cung và cầu về vốn trong nền kinh tế, từ đó thúc đẩy tái sản xuất mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế phát triển bền vững. Thông qua việc đưa vốn ra nền kinh tế, TDNH là công cụ mạnh mẽ để thúc đẩy

quá trình tập trung và điều hòa vốn trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy quá trình luân chuyển hàng hóa, luân chuyển tiền tệ, điều tiết khối lượng tiền trong lưu thông và kiểm soát lạm phát. TDNH cũng góp phần lớn trong việc tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Các tiêu chí để đánh giá kết quả phát triển kinh tế địa phương và hiệu quả hoạt động của ngành Ngân hàng trong mối quan hệ biện chứng góp phần phát triển kinh tế địa phương

Để đánh giá các chỉ tiêu kinh tế của một năm, người ta sử dụng chỉ số tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP), đây là chỉ số quan trọng vì nó biểu thị sức khỏe, tình hình sản xuất kinh doanh của một quốc gia trong một năm. Cũng như vậy, trong phạm vi một tỉnh, để đánh giá sự phát triển về kinh tế của địa phương và xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng cho kỳ tới một cách thực chất nhất, các nhà quản lý có thể dựa vào hệ thống chỉ tiêu kinh tế xã hội để đánh giá, theo đó, tốc độ tăng/giảm % các chỉ số (so với kỳ trước) trong một số lĩnh vực như: Đối với sản xuất công nghiệp: chỉ số sản xuất, chỉ số tiêu thụ, chỉ số tồn kho, chỉ số sử dụng lao động... toàn ngành công nghiệp; Đối với thương mại dịch vụ: các chỉ số về tổng mức bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu cho sản xuất, doanh số dịch vụ; Đối với sản xuất nông nghiệp: các chỉ số về sản lượng, năng suất thu hoạch cây trồng, con vật nuôi của các ngành nông

lâm thủy sản; Các chỉ số thu, chi ngân sách; Giải ngân vốn đầu tư; Thu hút vốn đầu tư; Tạo việc làm mới cho người lao động... Các con số đánh giá mức độ đạt được phản ánh chính xác sức khỏe của các doanh nghiệp đang hoạt động, để thấy năng lực sản xuất kinh doanh và sức khỏe của các thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa phương, và là cơ sở để định hướng xây dựng kế hoạch về chỉ tiêu tăng trưởng về kinh tế xã hội của địa phương cho kỳ tới.

Cùng với sự năng động của các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm cho xã hội, mạng lưới các TCTD cũng được mở rộng để đáp ứng nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các con số đánh giá mức độ đạt được và xây dựng kế hoạch về chỉ tiêu tăng trưởng về kinh tế xã hội của địa phương là một cơ sở vững chắc để ngành Ngân hàng hoạch định kế hoạch kinh doanh tại địa phương đó. Dự nợ tín dụng tại một địa phương là một con số phản ánh số liệu quản lý dự nợ của các TCTD đóng trên địa bàn, bao gồm: các khoản đầu tư cho các doanh nghiệp tại địa bàn nơi TCTD đóng trụ sở, đầu tư cho các doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh ngoài địa bàn tỉnh, kể cả các khoản giải ngân từ Hội sở chính các TCTD chuyển giao về địa phương quản lý... Vì vậy, TTĐD chỉ là một trong số các chỉ tiêu thuộc kế hoạch kinh doanh được giao của các TCTD. Việc đánh giá mức độ đóng góp của ngành Ngân hàng cho phát triển kinh tế địa phương còn phụ

thuộc vào nhiều yếu tố khác.

Xét trên phương diện cung ứng vốn tại một địa phương, TTĐD đối với ngành Ngân hàng, là chỉ số đánh giá khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế, đối với các doanh nghiệp, đó là việc hấp thụ vốn vay ngân hàng của các doanh nghiệp nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần cho phát triển kinh tế xã hội, nó cũng là thước đo sức khỏe của doanh nghiệp. Doanh nghiệp thường vay ngân hàng để đảm bảo nguồn tài chính cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là đảm bảo có đủ vốn cho các dự án mở rộng hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Có thể nói, không một doanh nghiệp nào không có nhu cầu vay vốn ngân hàng nếu doanh nghiệp đó muốn tồn tại vững chắc trên thương trường. Khi vay vốn, doanh nghiệp buộc phải quan tâm tính toán kỹ kế hoạch đầu tư, kinh doanh sao cho đảm bảo khả năng trả nợ, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển ổn định và vững chắc. Đối với ngân hàng, nghiệp vụ này không chỉ có ý nghĩa với nền kinh tế mà còn là nghiệp vụ có ý nghĩa quan trọng, quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của từng ngân hàng.

Trong một điều kiện kinh tế lý tưởng, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tỉ giá ổn định, lãi suất vay vốn hợp lý..., TTĐD là chỉ tiêu không phải lo lắng nhiều với các TCTD, vì lúc này cơ hội để phát triển sản xuất kinh doanh khiến các doanh nghiệp cần rất nhiều vốn, và, với môi trường kinh tế thuận lợi



Đánh giá hiệu quả đầu tư tín dụng tại địa phương đó là việc cung ứng vốn cho nền kinh tế và khả năng hấp thụ có hiệu quả vốn ngân hàng của các doanh nghiệp trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội

như thế, nếu ngân hàng quản lý tốt dòng tiền, doanh nghiệp tính toán và sử dụng có hiệu quả vốn vay, thì kết quả đương nhiên sẽ thấy TTTD tăng cao vì doanh nghiệp có đủ “sức khỏe” để hấp thụ vốn ngân hàng. Đây thật sự là “giai đoạn lý tưởng” của nền kinh tế, TTTD và sức khỏe của doanh nghiệp có mối quan hệ tỷ lệ thuận, theo đó, chỉ tiêu TTTD đã thể hiện rõ nét nhất với vai trò đóng góp lớn cho phát triển kinh tế địa phương. Nhưng, sự biến động của nền kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Bất cứ một nền kinh tế nào cũng có chu kỳ suy, thịnh. Lúc kinh tế thịnh, hoạt động cho vay được mở rộng, TTTD cao. Lúc kinh tế suy, doanh nghiệp chỉ hoạt động cầm chừng, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế suy giảm, hoạt động cho vay bị ảnh hưởng, trong đó, thể hiện rõ ràng nhất là sự biến động của chỉ số TTTD, nợ xấu chiếm trong tổng dư nợ cao do khả năng hoàn trả nợ vay của doanh nghiệp không đảm bảo. Lúc này, chỉ tiêu TTTD không thể sử dụng để đánh giá cho việc

hoàn thành nhiệm vụ của ngành Ngân hàng, bởi lẽ:

- TTTD của một địa phương phụ thuộc vào nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các mục đích sau: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Doanh nghiệp có thêm các dự án đầu tư bổ trợ sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề và/hoặc doanh nghiệp đầu tư thêm, tái đầu tư tài sản cố định để nâng cao năng lực sản xuất; Có thêm dự án đầu tư trong lĩnh vực ngành nghề mới, được địa phương thu hút bằng cơ chế ưu đãi trong kêu gọi đầu tư; Tài trợ xuất nhập khẩu; Đầu tư vào bất động sản/ Tài sản cố định; Tiêu dùng... Đây là các yếu tố phản ánh nhu cầu vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- TTTD của một địa phương phụ thuộc vào khả năng đáp ứng các điều kiện tín dụng của các doanh nghiệp khi tiếp cận nguồn vốn vay của ngân hàng, trong đó: Tính khả thi của dự án vay vốn; Năng lực pháp lý, khả năng quản trị điều hành của

doanh nghiệp; Tính minh bạch của báo cáo tài chính; Khả năng kiểm soát của TCTD về quản lý dòng tiền, về mục đích sử dụng vốn vay, về vốn tự có của doanh nghiệp tham gia vào dự án, khả năng hoàn trả nợ... Đây chính là các yếu tố từ phía doanh nghiệp để đảm bảo khả năng được cung ứng vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn được cung ứng, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần phát triển kinh tế.

- TTTD của một ngân hàng phụ thuộc vào chính năng lực cung ứng sản phẩm dịch vụ và chất lượng phục vụ khách hàng của ngân hàng đó, gồm: Chính sách tín dụng (đa dạng hóa sản phẩm/ hoặc các gói tín dụng phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương, lãi suất, tính năng động trong xử lý các vấn đề liên quan đến cho vay); Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ bán hàng (khả năng thẩm định dự án đầu tư, khả năng nắm bắt/ phân tích/ thu thập xử lý thông tin, khả năng đánh giá/ phán đoán/ dự báo, văn hóa giao tiếp...), Chính sách phát triển khách

hàng; Chiến lược kinh doanh... Đây chính là các yếu tố từ chính bản thân các TCTD nhằm đáp ứng kịp thời đầy đủ về vốn cho nền kinh tế và cũng là chỉ tiêu để khẳng định sự năng động của một ngân hàng trong môi trường cạnh tranh với nhiều thương hiệu ngân hàng khác đang cùng hoạt động trên cùng địa bàn.

- TTTD phụ thuộc vào môi trường kinh doanh và vai trò các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh thuận lợi và kinh tế địa phương phát triển ổn định. Trong cơ chế thị trường cùng với việc mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp được hoạt động trên nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, sự hỗ trợ kịp thời của các cơ quan quản lý trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, khả năng cung ứng vốn đầy đủ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đây cũng là yếu tố góp phần cho tăng trưởng kinh tế địa phương...

- TTTD âm, hay chỉ tiêu TTTD không đạt cũng không có nghĩa là ngân hàng không/hoặc giảm vai trò cung ứng vốn cho nền kinh tế. Vì, dù hoạt động trong điều kiện kinh tế có khó khăn như thế nào thì nhu cầu về vốn cũng đặt ra, chỉ khác hơn là lúc này doanh nghiệp không mở rộng kinh doanh, không có nhu cầu vay mới mà chỉ có thể hoạt động trong phạm vi hiện có để duy trì doanh nghiệp. Để tránh bị rủi ro, các doanh nghiệp trở nên vô cùng thận trọng trong việc vay vốn mở rộng sản xuất

kinh doanh, họ thường tận dụng nguồn vốn tự có và tiết kiệm chi phí sản xuất hơn là tiếp cận tới ngân hàng để vay vốn, do vậy, dư nợ tín dụng chỉ có thể giảm đi hoặc giữ nguyên dư nợ, vốn ngân hàng vẫn phải cung ứng thông qua việc quay vòng vốn tín dụng (thể hiện ở doanh số cho vay/ doanh số trả nợ). Mặt khác, việc xử lý nợ xấu cho các doanh nghiệp cũng góp phần làm giảm dư nợ, nếu không có các khoản vay mới bù lại số nợ đã xử lý thì không thể nào có TTTD.

Từ những phân tích trên cho thấy, trong môi trường kinh doanh không thuận lợi, các doanh nghiệp đối mặt với suy giảm kinh tế và sức mua giảm sút, hàng hóa không tiêu thụ được, nhiều doanh nghiệp chỉ có thể hoạt động cầm chừng, khả năng trả nợ không đảm bảo... thì không thể đòi hỏi ngân hàng cứ tiếp tục cung ứng vốn cho doanh nghiệp để có TTTD. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp lúc này phải căn cứ vào khả năng "chịu đựng", duy trì hoạt động trong điều kiện kinh tế không thuận lợi. Cũng như vậy, đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của ngành Ngân hàng lúc này không chỉ là chỉ tiêu TTTD, vì khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung vẫn là yếu tố cốt lõi ngăn cản TTTD, không thể giao chỉ tiêu cho các TCTD và yêu cầu ngành Ngân hàng phải đạt chỉ tiêu TTTD.

Ngành Ngân hàng góp phần phát triển kinh tế địa phương thể hiện ở các tiêu chí sau:

Thứ nhất, việc mở rộng mạng

lưới giao dịch của các TCTD nhằm cung ứng một cách thuận lợi nhất các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng đến khắp các địa phương để đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.

Chúng ta đã biết, trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của ngân hàng liên quan đến rất nhiều thành phần kinh tế từ cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức kinh tế. Mạng lưới giao dịch của các TCTD càng rộng khắp thì khả năng sử dụng dịch vụ của ngành Ngân hàng càng nhiều, càng tạo điều kiện cho nguồn vốn tín dụng ngân hàng đến đúng nơi, đúng thời điểm doanh nghiệp đang cần vốn, hay nói cách khác, doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn tín dụng hợp pháp, loại bỏ được nguồn tín dụng đen hoặc nạn cho vay nặng lãi. Cùng với sự phát triển kinh tế, nhiều loại hình ngân hàng đã ra đời với nhiều loại hình dịch vụ để thu hút ngày càng nhiều khách hàng. Ngay trong nghiệp vụ cho vay của ngân hàng cũng đã rất đa dạng. Doanh nghiệp có điều kiện lựa chọn sự đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, lựa chọn sự ưu việt nhất trong phong cách phục vụ của ngân hàng... Mạng lưới giao dịch càng nhiều sẽ cung ứng được nhiều dịch vụ hơn cho người dân và đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho nền kinh tế.

Thứ hai, cơ cấu đầu tư của TDNH phù hợp với cơ cấu kinh tế của địa phương, theo đó, các lĩnh vực, ngành nghề kinh tế của địa phương cần thúc đẩy phát triển hoặc hạn chế đầu tư sẽ là

những “ địa chỉ ” hướng tới của TDNH

Kết quả kinh doanh của ngân hàng phụ thuộc rất lớn vào tình hình tổ chức sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong bối cảnh nước ta đang triển khai quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và cơ cấu lại các doanh nghiệp thì các doanh nghiệp cũng cần phải có sự nhìn nhận, đánh giá khả năng của bản thân doanh nghiệp để có sự điều chỉnh và có phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp. Cũng như vậy, việc hoạch định chiến lược đầu tư, phát triển kinh tế của địa phương theo từng thời kỳ sẽ đưa ra được những chính sách hợp lý. Theo đó, cơ cấu kinh tế theo ngành, lĩnh vực sẽ được định hướng phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ, của lãnh đạo địa phương trên cơ sở phân tích thế mạnh kinh tế của vùng, miền. TDNH góp phần phát triển kinh tế địa phương sẽ thể hiện thông qua việc dịch chuyển vốn vào các lĩnh vực tại địa phương có thế mạnh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên đầu tư, để khai thác có hiệu quả tiềm năng sản xuất kinh doanh tại địa phương. Trong các năm gần đây, về việc cung ứng vốn cho nền kinh tế, Chính phủ và NHNN đã có chỉ đạo các TCTD hướng dòng vốn vào các lĩnh vực ưu tiên: Nông nghiệp, nông thôn; xuất khẩu; doanh nghiệp nhỏ và vừa; công nghiệp hỗ trợ; doanh nghiệp (DN) ứng dụng công nghệ cao. Có thể số liệu về TTTD chung của TCTD trên địa bàn sẽ không đạt, nhưng cơ cấu đầu tư cho các ngành, lĩnh vực sẽ có sự thay đổi nhất định (lĩnh vực không khuyến

khích đầu tư sẽ giảm dư nợ, lĩnh vực ưu tiên sẽ có dư nợ tăng), đây là yếu tố để đánh giá được sự kịp thời của các TCTD trong việc cung ứng vốn đủ cho nhu cầu của địa phương theo đúng định hướng.

Thứ ba, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng cùng nhau tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tìm đầu ra cho tín dụng và tiếp tục duy trì việc cung ứng vốn để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ảnh hưởng từ sự bất ổn và suy thoái của kinh tế thế giới đã có tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư trong nước. Cân đối ngân sách tiếp tục gặp khó khăn trong điều kiện tốc độ phục hồi của sản xuất kinh doanh trong nước còn chậm. Khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp thấp do sức cầu của nền kinh tế yếu vì cả đầu tư và tiêu dùng đều thấp. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua trong dân giảm. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức cao. Năng lực quản lý, điều hành sản xuất của nhiều doanh nghiệp còn yếu dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp hoặc thua lỗ khi phải đương đầu với khó khăn, thử thách. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể... Trước tình hình đó, Chính phủ và NHNN đã có nhiều giải pháp để khuyến khích thúc đẩy TTTD nhằm duy trì sức tăng trưởng của nền kinh tế. Hàng loạt các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh,

hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu... đã được các ngành, các cấp, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và ngành Ngân hàng chủ động và tích cực thực hiện đồng bộ với nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, nhằm duy trì ổn định kinh tế - xã hội.

Thể hiện rõ nét trách nhiệm của ngành Ngân hàng trong nhiệm vụ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đó là việc ngân hàng đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng tham gia đầy đủ các Hội nghị kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quan hệ tín dụng giữa TCTD và doanh nghiệp trên địa bàn; chủ động phối hợp, làm việc trực tiếp với doanh nghiệp nhằm nắm bắt khó khăn, vướng mắc và có các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ cụ thể, có cơ chế tín dụng phù hợp đối với từng lĩnh vực, đặc biệt là xử lý vấn đề hàng tồn kho để có cơ sở mở rộng tín dụng cho doanh nghiệp, giảm lãi suất cho vay...; Xu hướng chung, khi nền kinh tế rơi vào khủng hoảng, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, nợ xấu của hệ thống ngân hàng thường có xu hướng tăng cao và tăng nhanh. Việc đẩy TDNH trong giai đoạn này rất thận trọng. Vì vậy, để giúp doanh nghiệp trong việc chủ động tiếp cận vốn, ngành Ngân hàng đã tham gia tư vấn cho doanh nghiệp các vấn đề liên quan đến sử dụng vốn có hiệu quả như: xác định ngành nghề mũi nhọn từ đó có sự đầu tư nghiêm túc theo chiều sâu, thu gọn qui mô sản xuất hợp lý, tư vấn doanh nghiệp cần phải cân nhắc việc sử dụng

đòn bẫy tài chính đảm bảo hiệu quả mà vẫn có khả năng chống chọi với các biến động thị trường, hướng dẫn doanh nghiệp tận dụng mọi nguồn vốn có thể với chi phí hợp lý... Với sự tham gia trực tiếp này thì TTTD của ngành Ngân hàng sẽ không cao nhưng hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp chắc chắn là hiệu quả hơn nhiều.

Thứ tư, cách thức tham gia quản lý nợ và xử lý giảm nợ xấu

Cũng là doanh nghiệp, trong quá trình hoạt động của mình, ngân hàng cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro trong kinh doanh. Rủi ro của ngân hàng có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động chung của nền kinh tế, do vậy, việc quản lý rủi ro ngân hàng có vai trò quan trọng trong việc ổn định hoạt động ngân hàng, tránh các rủi ro, qua đó tác động tích cực đến nền kinh tế. Đối với ngành Ngân hàng, để hạn chế nợ xấu phát sinh, các TCTD sẽ chủ động trong việc kiểm soát dòng tiền của doanh nghiệp, đưa ra các gói tín dụng ưu đãi, thay đổi hợp lý chính sách tín dụng. Một chính sách tín dụng đúng đắn sẽ thu hút nhiều khách hàng, đảm bảo khả năng sinh lời từ hoạt động tín dụng trên cơ sở hạn chế rủi ro. Điều đó cũng có nghĩa nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh. Bất cứ ngân hàng nào muốn có chất lượng tín dụng tốt cũng đều phải có chính sách tín dụng khoa học, phù hợp với thực tế của ngân hàng cũng như của thị trường... Mặt khác, việc các TCTD trên địa bàn đã tích cực chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn

cho các lĩnh vực ưu tiên; chủ động rà soát, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng để tháo gỡ khó khăn cho khách hàng trong việc trả nợ vốn vay; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đối với khách hàng có hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt; xem xét miễn, giảm lãi phải trả đối với khách hàng bị tổn thất về tài sản dẫn đến khó khăn về tài chính theo quy định pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có triển vọng phát triển, có sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường nhưng đang gặp khó khăn về tài chính vay được vốn ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh, tích cực tiết kiệm chi phí, xử lý nợ xấu... Từ sự chủ động trên của ngành Ngân hàng cho thấy, hoạt động của các ngân hàng trên địa bàn thật sự tham gia hiệu quả vào công tác tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp góp phần phát triển kinh tế địa phương.

Thứ năm, đó là các đóng góp của ngành Ngân hàng cho công tác an sinh xã hội tại địa phương

Có thể nói, công tác an sinh xã hội của ngành Ngân hàng luôn được các cấp ủy và Ban lãnh đạo NHNN cũng như lãnh đạo các TCTD đặc biệt quan tâm và chỉ đạo. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong những năm gần đây không đạt thuận lợi do nợ xấu tăng, lợi nhuận sụt giảm mạnh, nhiều ngân hàng phải cắt, giảm lương, thưởng của nhân viên và các khoản chi phí khác... Bên cạnh việc làm tốt nhiệm

vụ chính trị, chuyên môn của ngành, ngành Ngân hàng luôn quan tâm đặc biệt đến công tác an sinh xã hội.

Không thể phủ nhận sự cố gắng của ngành Ngân hàng trong việc đóng góp cho công cuộc xóa đói giảm nghèo thông qua các chương trình tín dụng chính sách, qua việc tài trợ các công trình phúc lợi xã hội như: trường học, y tế, bảo trợ trẻ em, xây dựng và bảo vệ biển đảo, khắc phục hậu quả thiên tai, đền ơn đáp nghĩa... Hoạt động an sinh xã hội và hỗ trợ thiết thực của ngành Ngân hàng đã góp phần rất tích cực vào việc xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận dân cư, thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước về công cuộc xóa đói, giảm nghèo, xây dựng và đổi mới đất nước... Đây cũng là hoạt động được cán bộ, công chức, viên chức ngành Ngân hàng nhiệt tình hưởng ứng với tinh thần trách nhiệm cao và tình cảm chân thành, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của các vùng, miền trên cả nước. Trong các sự kiện, ngành Ngân hàng luôn tiên phong và chủ động tham gia nhiều hoạt động từ thiện, đi đầu trong hoạt động tài trợ cho các vùng và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, tổng số tiền tài trợ cho các địa phương trong các năm qua có một phần không nhỏ được trích từ tiền lương của cán bộ nhân viên và quỹ phúc lợi của các ngân hàng và số tiền đóng

(Xem tiếp trang 39)

doanh nghiệp phát triển, Chính phủ, chính quyền địa phương cần tăng cường cơ chế chính sách hỗ trợ về thị trường, đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở hạ tầng và quy hoạch phát triển ngành nghề, hỗ trợ tư vấn về đầu tư đổi mới công nghệ, đồng thời nâng cao vai trò và phát huy hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV trên địa bàn.

Các DNNVV trên địa bàn thành phố cần khai thác nguồn vốn hỗ trợ từ chương trình kích cầu đầu tư; chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

5. Các DNNVV cần quyết tâm cơ cấu lại tổ chức và hoạt động, tuân thủ và minh bạch hoạt động

sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị, điều hành, chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo tính chuyên nghiệp trong quản lý; tổ chức hoạt động thông tin và xử lý thông tin tốt. Điều này không chỉ đảm bảo cho doanh nghiệp phát triển bền vững mà còn tạo niềm tin trên thị trường, niềm tin cho các TCTD khi xem xét, xét duyệt cho vay.

Trong mối liên hệ này, DNNVV cần tăng cường quan hệ với các TCTD, không chỉ trong quan hệ tín dụng mà còn mở rộng hoạt động thanh toán, sử dụng nhiều hơn và phổ biến hơn các công cụ thanh toán không dùng tiền mặt: thanh toán hàng hóa, vật tư; thu tiền bán hàng; chi trả lương

qua tài khoản...; minh bạch hóa các hoạt động tài chính - là điều kiện thuận lợi của các DNNVV để các TCTD mở rộng và tăng trưởng tín dụng đối với khu vực doanh nghiệp này.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, đảm bảo cạnh tranh và phát triển.■

¹Năm 2011 có 2.187 doanh nghiệp giải thể, năm 2012 có 2.705 doanh nghiệp và năm 2013 có 2.522 doanh nghiệp giải thể;

²Tỷ lệ dư nợ tín dụng trung dài hạn trong toàn hệ thống hiện nay là 49%.

³Năm 2013, tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 14,5%. Trong khi đó tín dụng chung trên địa bàn tăng 9%.

⁴Theo danh sách từ Sở Công thương, từ các quận huyện, hiệp hội ngành nghề đề nghị.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG (Tiếp theo trang 25)

góp của ngành Ngân hàng trong các chương trình an sinh xã hội luôn chiếm tỷ lệ cao. Tại 63 tỉnh thành, nơi nào có địa điểm hoạt động giao dịch của TCTD nơi đó có sự đóng góp của ngành Ngân hàng cho công tác an sinh xã hội. Đây là sự cố gắng, nỗ lực của toàn ngành Ngân hàng trong việc giáo dục, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Đóng góp này cũng góp phần không nhỏ trong việc phát triển kinh tế xã hội tại địa phương...

Tóm lại, sẽ còn rất nhiều tiêu chí nữa để đánh giá vai trò của ngành Ngân hàng trong việc đóng góp cho phát triển kinh tế địa phương. Như đã đề cập ngay từ ban đầu, mong muốn TTTD đạt kế hoạch không chỉ là nguyện vọng của các ngân hàng

trên địa bàn mà còn là mong muốn của các cấp lãnh đạo địa phương, là thể hiện vai trò cung ứng vốn của ngành Ngân hàng cho các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế cho địa phương. Tuy nhiên, đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Ngành không nhất thiết là việc hoàn thành chỉ tiêu TTTD, đảm bảo chất lượng tín dụng mới là tiêu chí cho thấy hiệu quả đầu tư vốn của ngành Ngân hàng cho phát triển kinh tế địa phương. Để đạt yêu cầu đảm bảo về chất lượng tín dụng thì hoạt động doanh nghiệp phải tốt để hấp thụ hiệu quả vốn ngân hàng. Với việc thể hiện tích cực của ngành Ngân hàng trong các hoạt động tại địa phương như đã trình bày, người viết mong muốn các cấp ngành,

doanh nghiệp, nhà quản lý... có cái nhìn đầy đủ hơn trong việc đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của ngành Ngân hàng. Đánh giá hiệu quả đầu tư tín dụng tại địa phương thông qua qua kênh TDNH là chất lượng tín dụng, đó là việc cung ứng vốn cho nền kinh tế và khả năng hấp thụ có hiệu quả vốn ngân hàng của các doanh nghiệp cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, cùng với việc đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội tại địa phương. Vì vậy, giao chỉ tiêu TTTD cho các thành viên của TCTD tại một địa phương là một vấn đề mà Hội sở các TCTD cần phải có những phân tích thực trạng kinh tế từ thực tế, để có con số thích hợp khi giao chỉ tiêu cho các đơn vị cơ sở nhằm phát huy tối đa sự phấn đấu của cán bộ, tương ứng với nhu cầu vốn thực tế tại địa phương.■